

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P5+TD1	7:25	6+15+0	0+0+0		5+14+3	0+0+0	
2		RP3+TD3+P5	7:25	13+4+5	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
3		P2+BK9+RC5	7:25	21+0+1	0+0+0		9+11+1	0+0+0	
4		TD2+P10+P4	9:25	17+3+2	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
5		P10+P9	9:25	15+7	0+0		12+7	0+0	
6		RP1+P2+P4	9:25	7+6+9	0+0+0		7+0+15	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P1 - P5 - TD1	CREW: Nam - D Nam - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM CÔNG ĐIỆN	P1	72	1	5		75	PSV	Vietnamese
2	BUI VĂN QUÂN	P1	67	1	5	44	68	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	71	1	5		63	PSV	Vietnamese
4	PHẠM PHU BÌNH	P1	65	1	8	25	55	PSV	Vietnamese
5	PHAN TRỌNG MINH	P1	66	1	5		68	PSV	Vietnamese
6	LÊ TÙNG LÂM	P1	69-70	2	10		60	PSV	Vietnamese
7	BUI QUOC KHOANG	P1	68	1	8		78	H-DONG	Vietnamese
8	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	P5					63	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐẠI PHONG	P5	38	1	5		70	YTE	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TUÂN	P5	42	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HÙNG	P5	48-50	3	17		68	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC LAM	P5	46	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN DOANH	P5				35	68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN PHAN	P5	43	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUYẾT TIẾN	P5	41	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN MINH HIẾU	P5	45	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HẢO	P5	51	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	39	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN TUÂN LONG	P5	47	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM QUANG NGU	P5	40	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN HUY	P5					60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	8	46	467	69	5		01 NB GHE PHU: NGUYEN VIET CUONG
2	P5	15	14	76	1.090	35	14		
3	TD1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	122	1.557	104	22		
WEIGHT KG				122	1.557	104			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP3 - TD3 - P5	CREW: Phong - N.Anh - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	50	1	5	70	76	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN BẢO TOÀN	RP3	45	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG LINH	RP3	51	1	2		75	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
5	THÔI QUỐC TUẤN	RP3	46	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN THẾ NGUYỄN	RP3	42	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG QUYẾT	RP3	41	1	6		66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUỐC	RP3	43-44	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	49	1	4		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	48,54	2	17		68	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	52	1	4		69	PSV	Vietnamese
12	TRẦN THANH HAI	RP3	47	1	3		59	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	53	1	2		59	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ MẠNH HÀ	TD3	29	1	7		65	D-HANH	Vietnamese
15	TELIANS	TD3	30	1	7		94	D-HANH	Russian
16	STARZINSKIY	TD3	28	1	6		94	D-HANH	Russian
17	GILEMKHANOV	TD3	27	1	9		80	D-HANH	Russian
18	PHẠM HỒNG QUY	P5	02	1	9	17	70	DVL	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH HUỠNG	P5	03	1	10		65	DVL	Vietnamese
20	PHẠM HẢI LONG	P5	05-06	2	17		79	DVL	Vietnamese
21	TRẦN HỒNG PHÚC	P5	01	1	9		79	NIPI	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	04	1	13		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	14	82	898	70	12		
2	TD3	4	4	29	333	0	0		
3	P5	5	6	58	348	17	10		
TOTAL		22	24	169	1.579	87	22		
WEIGHT KG				169	1.579	87			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P2 - BK9 - RC5	CREW: Hồi - Dương - Toàn	ETA: 09:20
vang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	P2	81	1	12		78	PSV	Vietnamese
2	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	87	1	5		75	PSV	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	82	1	4		65	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	80	1	10		60	PSV	Vietnamese
5	TRẦN MẠU SƠN	P2	64	1	5		74	PSV	Vietnamese
6	LÊ XUÂN ĐAM	P2	78-79	2	10	40	67	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN ĐẠI	P2	84	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	DƯƠNG MINH QUÂN	P2	76	1	8		73	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY THÂN	P2	77	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
10	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	P2	68	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
11	VŨ QUANG TUẤN	P2	62-63	2	12		67	CODIEN	Vietnamese
12	HOÀNG MINH TUẤN	P2	67	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ VĂN GIANG	P2	39	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN LỢI	P2	69	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN THANH TÙNG	P2	70	1	8	10	77	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ PHÚC HOÀNG	P2	71	1	15		79	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THOA	P2	66	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÙNG	P2	65	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN HẠNH	P2	72-73	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC CHÍN	P2	74-75	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN KHÁNH	P2	38	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ ANH TUẤN	RC5	11	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	25	215	1.473	50	9		
2	BK9	0	0	0	0	0	12		
3	RC5	1	1	10	70	20	1		
TOTAL		22	26	225	1.543	70	22		
WEIGHT KG				225	1.543	70			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: TD2 - P10 - P4	CREW: Nam - DNam - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	53	1	6	90	76	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	49	1	11		86	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	99	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH TUNG	TD2	48	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	51	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	50	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	54	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	47	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	52	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ QUANG HUNG	TD2	300,46	2	19		69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG KHANH	TD2	55	1	8		85	CUC ĐKV	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH QUANG	TD2	57-58	2	18		78	CUC ĐKV	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	18	1	8		60	GETRACO	Vietnamese
15	ĐAU VAN XUAN	TD2	13	1	10		61	GETRACO	Vietnamese
16	LÝ VĂN DƯỠNG	TD2	56	1	10		73	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P10	97	1	7	15	68	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT LY	P10	96	1	8		75	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MINH	P10	95	1	4		85	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN TRUNG	P4	37-38	2	13	20	66	YFE	Vietnamese
21	HOÀNG VIỆT THUẬN	P4	39	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	17	127	1.172	90	13		
2	P10	3	3	19	228	15	4		
3	P4	2	3	20	128	20	5		
TOTAL		21	23	166	1.528	125	22		
WEIGHT KG				166	1.528	125			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: P10 - P9	CREW: Phong - N.Anh - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT KHANG	P10	06	1	5		67	PSV	Vietnamese
2	ĐÀO VĂN DUNG	P10	13	1	3		69	PSV	Vietnamese
3	PHUNG QUANG ĐẠI	P10	03,05	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ LỤC	P10	07	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HAI NAM	P10	10	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ HỘI	P10	15-16	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
7	HÀ VĂN NHIỆM	P10	22	1	15	15	68	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRI HAI	P10	14	1	15	11	64	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HỒNG CUONG	P10	08	1	10	13	71	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI MANH HA	P10	17-18	2	12	40	90	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC VIỆT	P10	11	1	6	17	72	XAYLAP	Vietnamese
12	LAI VĂN MẠNH	P10	26-27	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH NHÂN	P10	21	1	10		65	PSV	Vietnamese
14	LÊ VIỆT HUNG	P10	02	1	4		71	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TỊNH	P10	20	1	8		67	DK9	Vietnamese
16	БАСЯНКИН А А	P9	50	1	11		112	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN HAI TRUNG	P9	48	1	6	45	63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TUYẾT	P9	43	1	5		52	PSV	Vietnamese
19	TRẦN THANH HAI	P9	46	1	5	10	85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	47	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CHIỀU	P9	45	1	7		67	PSV	Vietnamese
22	PHẠM CÔNG TUÂN	P9	44	1	3		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	19	155	1.078	96	13		
2	P9	7	7	42	497	55	7		
TOTAL		22	26	197	1.575	151	20		
WEIGHT KG				197	1.575	151			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2020	TO: RP1 - P2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hôi - Dương - Toàn	ETA: 11:30
VANG-2			

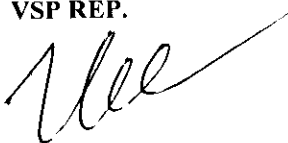
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN NGỌ	RP1	73-74	2	11		55	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH BẮNG	RP1	69	1	6		81	PSV	Vietnamese
3	DUƠNG TRUNG KIẾN	RP1	75	1	7		65	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	77	1	8	40	60	PSV	Vietnamese
5	PHẠM THẾ THUẬN	RP1	70	1	5		72	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP1	76	1	9		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG PHƯƠNG	RP1	71-72	2	16		63	PSV	Vietnamese
8	HỒ NGUYỄN HẬU	P2	94-95	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SĨ HẢI	P2	93	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NGỰ	P2	90	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ VĂN QUÂN	P2	92	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN VIỆT	P2	89	1	7	17	68	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN Y	P2	91	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI UY HUNG	P4	30	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐO HOA VINH	P4	27-28	2	11		78	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	35	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	VÕ VĂN DŨNG	P4	29	1	7		65	PSV	Vietnamese
18	LƯU ĐÌNH THÁI	P4	25	1	5	32	52	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	P4	26	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN AI	P4	24	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THẠO	P4	34	1	4		80	PSV	Vietnamese
22	LÊ ĐẶC NHÀ	P4	23	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	9	62	466	40	7		
2	P2	6	7	78	378	17	0		
3	P4	9	10	58	605	32	15		
TOTAL		22	26	198	1.449	89	22		
WEIGHT KG				198	1.449	89			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

